TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 140/2021/QĐDS-ST
Ngày: 25/6/2021
V/v: Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà **Đỗ Thị Vân.**
Thư ký phiên họp: Bà **Ngô Thị Thu Hà.**
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà **Hoàng Thị Hồng Chiêm –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 30/2021/TLST-VDS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết theo Quyết định mở phiên họp số: 17/2021/QĐPH-VDS ngày 17 tháng 6 năm 2021.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1946. Hộ khẩu thường trú: Thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện A, Thành phố Hà Nội.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1946 (Chồng bà C).

2.2. Anh Nguyễn Hữu M, sinh ngày 07/9/1999.

Đều có hộ khẩu thường trú: Thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện A, Thành phố Hà Nội.

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Bà Đặng Thị C yêu cầu Tòa án tuyên bố Anh Nguyễn Hữu M, sinh ngày 07/9/1999, có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện A, thành phố Hà Nội là đã chết.

Có mặt: Bà C, Ông N.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện A nhận định:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 25/01/2021 và các bản tự khai tiếp theo, người yêu cầu, bà Đặng Thị C trình bày:

Bà có chồng là Nguyễn Hữu N, sinh năm 1946. Vợ chồng bà sinh được 06 người con gồm:

- Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1968.
- Nguyễn Thị P, sinh năm 1972.
- Nguyễn Thị T, sinh năm 1975.
- Nguyễn Xuân T , sinh năm 1977.

- Nguyễn Thị T, sinh năm 1979.
- Nguyễn Hữu P, sinh năm 1981.

Ông Nguyễn Hữu N1 kết hôn với bà Nguyễn Thị G năm 1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông N1 sinh sống và chung hộ khẩu với gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng ông N1, bà G sinh được 02 người con là Nguyễn Hữu M, sinh ngày 07/9/1999 và Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 26/01/2003.

Bà không biết lý do tại sao cuối năm 2003, bà G đã tự ý bỏ nhà đi biệt tích và mang theo cả 02 con nhỏ. Gia đình bà đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của 03 mẹ con bà G.

Năm 2013, ông Nguyễn Hữu N1 đã làm đơn yêu cầu tuyên bố bà G mất tích. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 05/2013/QĐST-VDS ngày 02/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố bà G mất tích.

Tại Bản án hôn nhân gia đình số 34/2014/HNGĐ-ST ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử cho ông Nguyễn Hữu N1 được ly hôn bà Nguyễn Thị G với lý do bà G mất tích và xác định bà G bỏ đi mang theo 02 con là anh Q và Anh M.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 135/2020/QĐST-VDS ngày 29/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố ông Nguyễn Hữu N1 mất năng lực hành vi dân sự và cử bà là người giám hộ của ông N1.

Hiện nay 03 mẹ con bà G vẫn chung sổ hộ khẩu với gia đình bà. Bà không biết Anh M ở đâu, còn sống hay đã chết. Gia đình bà đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của Anh M. Anh M đã biệt tích gần 18 năm, hiện không biết ở đâu.

Nay, để thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình phát sinh trong đời sống, bà đề nghị Tòa án tuyên bố Anh Nguyễn Hữu M là đã chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu N nhất trí với quan điểm của bà Đặng Thị C.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến và đề nghị Toà án: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị C về việc tuyên bố Anh Nguyễn Hữu M là đã chết.

Bà C được miễn tiền lệ phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày, xem xét tài liệu, chứng cứ và ý kiến đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên họp.

XÉT THẤY

Bà Đặng Thị C có chồng là Ông Nguyễn Hữu N. Vợ chồng bà C sinh được 06 người con gồm: Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1968; Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977; Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Nguyễn Hữu P, sinh năm 1981.

Ông Nguyễn Hữu N1 kết hôn với bà Nguyễn Thị G năm 1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông N1 sinh sống và chung hộ khẩu với gia đình bà C. Vợ chồng ông N1, bà G sinh được 02 người con là Nguyễn Hữu M, sinh ngày 07/9/1999 và Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 26/01/2003.

Cuối năm 2003, Anh M đã bị bà G mang theo bỏ nhà đi biệt tích. Gia đình bà C đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của 03 mẹ con bà G.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 05/2013/QĐST-VDS ngày 02/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố bà G mất tích.

Tại Bản án hôn nhân gia đình số: 34/2014/HNGĐ-ST ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện A đã xử cho ông Nguyễn Hữu N1 được ly hôn bà Nguyễn Thị G với lý do bà G mất tích và xác định bà G bỏ đi mang theo 02 con là anh Quân và Anh M.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 135/2020/QĐST-VDS ngày 29/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố ông Nguyễn Hữu N1 mất năng lực hành vi dân sự và cử bà C là người giám hộ của ông N1.

Ngày 27/4/2021, Công an xã Xuân Nộn, huyện A có văn bản xác nhận bà G cùng 02 con là anh Quân, Anh M đều không có mặt tại địa phương từ năm 2003, nhưng vẫn có hộ khẩu tại thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện A. Sau khi thụ lý việc dân sự, ngày 28/01/2021, Tòa án nhân dân huyện A đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết, quyết định này đã được đăng, phát trên phương tiện thông tin đại chúng và thời hạn nhắn tin đã được hơn 04 tháng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, sau gần 18 năm liền kể từ ngày Anh M bỏ đi mà vẫn không có tin tức xác thực là Anh M còn sống. Vì vậy, yêu cầu của bà Đặng Thị C đề nghị tuyên bố Anh Nguyễn Hữu M là đã chết có căn cứ nên được chấp nhận.

Về ngày chết của Anh Nguyễn Hữu M được xác định như sau: Tài liệu chứng cứ thu thập được không xác định được ngày, tháng, mà chỉ xác định Anh Nguyễn Hữu M bỏ đi biệt tích năm 2003. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự thì ngày chết được xác định như sau: Nếu không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng thì thời hạn được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng. Như vậy ngày chết của Anh Nguyễn Hữu M là ngày 01/01/2009.

Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố một người là đã chết được giải quyết theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Dân sự.

Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phù hợp pháp luật.

Về lệ phí: Bà C là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 71, Điều 72 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 4 Điều 27, các Điều 372, 391, 392, 393 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị C về việc tuyên bố Anh Nguyễn Hữu M là đã chết.

- Tuyên bố Anh Nguyễn Hữu M, sinh ngày 07/9/1999, có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Lương Q, xã Xuân N, huyện A, Thành phố Hà Nội đã chết ngày 01 tháng 01 năm 2009.

- Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân gia đình, các quan hệ nhân thân khác và quan hệ tài sản của Anh Nguyễn Hữu M, sinh ngày 07/9/1999, có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Lương Quy, xã Xuân Nộn, huyện A, Thành phố Hà Nội được giải quyết như đối với người đã chết.

- Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí việc dân sự.

Bà Đặng Thị C và Ông Nguyễn Hữu NNguyễn Hữu Ncó quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết quyết định hợp lệ tại địa phương nơi cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:
- VKSND huyện A.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Xuân Nộn.
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ toạ phiên họp

Đỗ Thị Vân